

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP LỚP K9 - XH

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

MÔN HỌC : CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60%	TB môn (TB 10)	TB môn (TB chữ)	Ghi chú
				Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
1	202003003	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	16/09/2002	8.0	6.0	7.5	7.1	B	
2	202003004	PHẠM PHƯƠNG ANH	04/11/2002	8.0	6.0	8.0	7.4	B	
3	202003005	TRẦN BẾ QUỲNH ANH	16/12/2002	10.0	7.5	9.0	8.7	A+	
4	202003006	ĐỖ NGỌC ÁNH	06/04/2002	8.5	6.0	8.0	7.5	B	
5	202003009	NGUYỄN HÀ DUNG	13/05/2002	8.0	6.0	7.5	7.1	B	
6	202003013	NGUYỄN THU HÀ	08/08/2002	10.0	7.5	7.0	7.5	B	
7	202003014	VŨ THỊ THU HÀ	17/10/2002	9.0	7.0	9.0	8.4	B+	
8	202003015	PHÙNG THỊ HẠ	09/12/2002	8.0	6.0	7.5	7.1	B	
9	202003016	NGUYỄN THỊ THANH HẢI	26/03/2002	9.0	8.0	8.0	8.1	B+	
10	202003017	NGUYỄN KIM HẰNG	09/08/2002	10.0	8.5	9.0	9.0	A+	
11	202003018	NGUYỄN THỊ MAI HẰNG	20/05/2002	6.0	7.5	6.0	6.5	C+	
12	202003021	LŨNG THANH HOÀNG	08/03/2001	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
13	202003022	NGUYỄN THỊ HUỆ	02/09/2002	7.0	8.0	7.5	7.6	B	
14	202003025	PHẠM KHÁNH HUYỀN	01/12/2002	7.5	7.0	7.0	7.1	B	
15	202003026	NGÔN THỊ KIỀU	22/06/2002	8.0	8.0	7.0	7.4	B	
16	202003027	NGUYỄN ĐỨC LÂM	01/05/2002	8.0	7.0	5.0	5.9	C	
17	202003028	HOÀNG THỊ LANH	22/12/2002	9.0	7.0	7.0	7.2	B	
18	202003029	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	13/09/2002	8.0	8.0	6.0	6.8	C+	
19	202003031	LŨNG MỸ LINH	12/01/2001	8.0	7.5	8.0	7.9	B	
20	202003032	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	03/02/2002	8.0	7.0	8.0	7.7	B	
21	202003033	NGUYỄN TÚ LINH	08/06/2002	8.0	7.0	7.0	7.1	B	
22	202003034	NÔNG THỊ QUỲNH LINH	04/05/2002	8.5	7.0	6.0	6.6	C+	
23	202003035	PHẠM BÍCH LOAN	23/03/2002	7.0	6.0	7.0	6.7	C+	
24	202003036	CHÁU THỊ MÙA	04/10/2002	8.0	9.0	8.0	8.3	B+	
25	202003038	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	18/05/2002	8.0	8.0	8.0	8.0	B+	
26	202003039	HÀ THỊ TÓ NHƯ	04/03/2002	8.0	8.0	8.0	8.0	B+	

STT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60%	TB môn (TB 10)	TB môn (TB chữ)	Ghi chú
				Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
27	202003040	PHẠM YẾN NHƯ	22/05/2002	9.0	7.0	8.0	7.8	B	
28	202003043	ĐỖ THẢO PHƯƠNG	29/04/2002	8.0	8.0	8.0	8.0	B+	
29	202003045	HÀ THỊ QUÝ	10/11/2002	10.0	8.0	7.0	7.6	B	
30	202003048	VŨ THỊ QUỲNH	06/11/2002	8.0	7.0	7.5	7.4	B	
31	202003049	HOÀNG KHÁNH SON	02/02/2001	7.5	7.0	6.0	6.5	C+	
32	202003051	NGÔ NGỌC THÀNH	30/09/2002	9.5	6.0	7.0	7.0	B	
33	202003053	THÂM THỊ HỒNG THI	22/06/2002	8.0	7.0	6.0	6.5	C+	
34	202003054	QUẢNG VĂN THỊ	02/02/2002	8.0	7.0	6.0	6.5	C+	
35	202003055	QUẢNG THỊ THƠM	28/09/2002	8.0	7.0	7.0	7.1	B	
36	202003056	LÊ THỊ MINH THU	21/11/2002	8.0	7.0	5.0	5.9	C	
37	202003057	NGUYỄN THỊ HỒNG TIẾN	08/08/2002	9.0	8.0	9.0	8.7	A+	
38	202003058	TRẦN VĂN TRỌNG	06/03/1997	8.0	6.0	3.0	4.4	D	
39	202003059	PHAN VĂN TRƯỜNG	06/08/2002	10.0	6.0	8.0	7.6	B	
40	202003060	VƯƠNG THỊ THANH TÙNG	29/11/2002	8.0	6.0	8.0	7.4	B	
41	202003061	LÊ THỊ TỎ UYÊN	25/10/2002	8.5	8.0	6.0	6.9	C+	
42	2019030021	LƯƠNG GIANG LINH	16/12/2001	8.5	8.0	8.5	8.4	B+	

GIẢNG VIÊN